BỘ Y TẾ - BỘ NỘI VỤ

BỘ Y TẾ - BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2016/TTLT-BYT-BNV

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2016

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp dân số.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với viên chức dân số làm việc trong các đơn vị sự nghiệp dân số, y tế công lập.

Điều 2: Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp dân số

Chức danh nghề nghiệp dân số bao gồm:

Dân số viên hạng II:	Mã số: V.08.10.27
Dân số viên hạng III:	Mã số: V.08.10.28
Dân số viên hạng IV:	Mã số: V.08.10.29

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09920654

Điều 3. Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp

1. Tận tuỵ phục vụ sự nghiệp dân số và sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Hiểu biết và thực hiện đúng quy tắc ứng xử của viên chức dân số, y tế.

3. Thực hành nghề nghiệp theo đúng quy chế, quy định, quy trình chuyên môn kỹ thuật và các quy định khác của pháp luật.

4. Không ngừng học tập nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tôn trọng quyền của người sử dụng dịch vụ.

6. Trung thực, khách quan, công bằng, trách nhiệm, đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.

Chương II
TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Dân số viên hạng II - Mã số: V.08.10.27

1. Nhiệm vụ

a) Chủ trì tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn và trung hạn về dân số - kế hoạch hóa gia đình tại địa bàn công tác;

b) Chủ trì xây dựng các đề án, dự án chuyên môn về dân số - kế hoạch hóa gia đình trong phạm vi địa bàn công tác;

c) Chủ trì tổ chức các hoạt động cung cấp dịch vụ, tư vấn và truyền thông vận động về dân số - kế hoạch hóa gia đình trong phạm vi chuyên môn;

d) Chủ trì phân tích, tổng kết, đánh giá hoạt động chuyên môn về dân số - kế hoạch hóa gia đình, tổng hợp và báo cáo kết quả;

đ) Chủ trì tổ chức các hoạt động hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên môn các hoạt động về dân số - kế hoạch hóa gia đình;

e) Chủ trì, tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu và tiến bộ khoa học kỹ thuật về dân số - kế hoạch hóa gia đình;

g) Tổ chức, tham gia giảng dạy bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành dân số - kế hoạch hóa gia đình;

h) Học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ đại học trở lên chuyên ngành y tế công cộng, học định hướng dân số - kế hoạch hóa gia đình trong phần kiến thức bổ trợ; nếu có trình

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09920654

độ đại học trở lên là chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình;

b) Có kiến thức sâu, rộng, có khả năng làm việc độc lập, cập nhật kiến thức, kỹ thuật mới và ứng dụng trong lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình;

c) Có năng lực tổ chức công việc một cách khoa học; có năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình;

d) Có năng lực xây dựng các chương trình, kế hoạch, có năng lực tổng hợp, tổ chức thu thập, xử lý, phân tích số liệu trong lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình;

đ) Có năng lực tổ chức, phối hợp với các tổ chức và cá nhân để thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình;

e) Có năng lực tổ chức nghiên cứu, chủ trì xây dựng tài liệu tập huấn và tổ chức giảng dạy về dân số - kế hoạch hóa gia đình;

g) Có năng lực chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng đề tài, đề án, dự án, nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên;

h) Viên chức thăng hạng từ chức danh dân số viên hạng III lên chức danh dân số viên hạng II phải có thời gian giữ chức danh dân số viên hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm, trong đó có thời gian gần nhất giữ chức danh dân số viên hạng III tối thiểu là 02 năm.

Điều 5. Dân số viên hạng III - Mã số: V.08.10.28

1. Nhiệm vụ

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn hằng năm về dân số - kế hoạch hóa gia đình tại địa bàn công tác;

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09920654

b) Tham gia xây dựng các đề án, dự án chuyên môn về dân số - kế hoạch hóa gia đình của đơn vị;

c) Tham gia phân tích, tổng kết, đánh giá các nhiệm vụ chuyên môn về dân số - kế hoạch hóa gia đình;

d) Thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn và truyền thông, vận động về dân số - kế hoạch hóa gia đình theo chuyên môn;

đ) Thực hiện hướng dẫn, theo dõi, giám sát chuyên môn các hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình;

e) Tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu và tiến bộ khoa học kỹ thuật về dân số - kế hoạch hóa gia đình;

g) Tham gia giảng dạy chuyên môn, nghiệp vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình;

h) Học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có trình độ đại học trở lên chuyên ngành y tế công cộng, học định hướng dân số - kế hoạch hóa gia đình trong phần kiến thức bổ trợ; nếu có trình độ đại học trở lên là chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nhận thức đúng chính sách của Đảng và Nhà nước, văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn về lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình;

b) Có kiến thức chuyên môn về dân số - kế hoạch hóa gia đình, có khả năng làm việc độc lập để giải quyết các vấn đề theo nhiệm vụ được giao;

c) Có phương pháp làm việc khoa học, có khả năng đề xuất và thực hiện các giải pháp chuyên môn;

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09920654

d) Có năng lực tổng hợp, phân tích, thu thập và xử lý số liệu về dân số - kế hoạch hóa gia đình;

đ) Có năng lực phối hợp với các tổ chức, cá nhân để thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình;

e) Có năng lực nghiên cứu, tham gia xây dựng tài liệu và tham gia giảng dạy chuyên môn nghiệp vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình;

g) Viên chức thăng hạng từ chức danh dân số viên hạng IV lên chức danh dân số viên hạng III phải có thời gian giữ chức danh dân số viên hạng IV tối thiểu là 02 năm đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ tốt nghiệp cao đẳng hoặc 03 năm đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ tốt nghiệp trung cấp.

Điều 6. Dân số viên hạng IV - Mã số: V.08.10.29

1. Nhiệm vụ

a) Tham gia xây dựng kế hoạch tác nghiệp về hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình tại địa bàn công tác;

b) Đề xuất giải pháp thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được phân công;

c) Thu thập thông tin, lập các báo cáo thống kê dân số - kế hoạch hóa gia đình;

d) Thực hiện các hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình theo chuyên môn;

đ) Kiểm tra, giám sát chuyên môn việc thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn được giao;

e) Hướng dẫn nghiệp vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình cho cộng tác viên;

g) Học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành dân số - y tế trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên ở các chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số hoặc tương đương;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09920654